

CÔNG TY CỔ PHẦN  
NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 719 /BBH-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021

## BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

**A. Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

**B. Thời gian bắt đầu phiên họp:** 8 giờ 30 phút, ngày 30/6/2021

**C. Địa điểm:** Hội trường tầng 3, Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM; Số 21B, Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

**D. Thành phần tham dự:** Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty, các khách mời tham dự Đại hội, các Cổ đông và Người đại diện ủy quyền của Cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 10/03/2021).

**E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội:**

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% Cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

### 1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Phạm Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Chủ tọa
- Ông Trần Khắc Mạnh	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
- Ông Hoàng Vũ Thắng	TV HĐQT	Thành viên

### 2. Ban Thư ký:

- Bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt	Trưởng phòng TCLĐ	Trưởng Ban
- Ông Phạm Ngọc Đức	Người phụ trách quản trị công ty	Thành viên

### 3. Ban Kiểm phiếu:

- Bà Đỗ Thị Minh Thoan	Phó Văn phòng	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Việt Tâm	Phó P. KDVT	Thành viên
- Bà Lê Thị Lan Hương	CV Pháp chế & QHCD	Thành viên

### 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- Ông Trần Quang Ninh	Phó phụ trách P. Pháp chế & QHCD	Trưởng ban
-----------------------	----------------------------------	------------

- Bà Bùi Thị Bích Liên	CV P. Pháp chế & QHCD	Thành viên
- Bà Lưu Thị Minh Ngọc	CV P. Pháp chế & QHCD	Thành viên
- Bà Lê Ngọc Thúy	CV P. Tổ chức lao động	Thành viên

#### **F. Điều kiện tiến hành Đại hội:**

Trường Ban Kiểm tra tư cách cổ đông - Ông Trần Quang Ninh báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, tại thời điểm khai mạc (8h30 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau: Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 92 Cổ đông, đại diện cho 27.586.991 cổ phần, chiếm 88,42% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (31.199.825 cổ phần), trong đó:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp là 06 Cổ đông, đại diện cho 19.648.054 cổ phần, chiếm 62,97% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số Cổ đông ủy quyền là 86 Cổ đông, đại diện cho 7.938.937 cổ phần, chiếm 25,45% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **G. Nội dung phiên họp:**

**1. Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và kiểm phiếu** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

**2. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội** đã được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

**3. Quy chế làm việc** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

#### **4. Các Báo cáo và Tờ trình do Thành viên đoàn chủ tịch trình bày tại Đại hội:**

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021.
- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Tờ trình số 547/TTr-HĐQT thông qua Báo cáo tài chính năm 2020.
- Tờ trình số 548/TTr-HĐQT thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
- Tờ trình số 549/TTr-HĐQT thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao năm 2021.
- Tờ trình số 04/TTr-BKS thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
- Thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan năm 2020.
- Tờ trình số 550/TTr-HĐQT thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.

- Tờ trình số 551/TTr-HĐQT thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.
- Tờ trình số 552/TTr-HĐQT thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Tờ trình 553/TTr-HĐQT thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Tờ trình 554/TTr-HĐQT thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Tờ trình số 555/TTr-HĐQT thông qua việc miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

#### **5. Bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026:**

- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 bầu là: 05 thành viên (trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập).
- Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026 bầu là: 03 thành viên.
- Đại hội đã nhất trí thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;
- Đại hội đã nghe Bà Đỗ Thị Minh Thoan, Trưởng ban bầu cử và kiểm phiếu báo cáo danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026;
- Đại hội đã nhất trí thông qua Danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT/BKS với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;
- Tổ chức bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026: Đại hội đã được Ban bầu cử và kiểm phiếu hướng dẫn chi tiết cách thức ghi phiếu bầu cử và bỏ phiếu để thực hiện bầu cử.

Đến 10h00 phút (thời điểm diễn ra Bầu cử) Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 92 Cổ đông, đại diện cho 27.586.991 cổ phần, chiếm 88,42% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (31.199.825 cổ phần), trong đó:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp là 06 Cổ đông, đại diện cho 19.648.054 cổ phần, chiếm 62,97% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số Cổ đông ủy quyền là 86 Cổ đông, đại diện cho 7.938.937 cổ phần, chiếm 25,45% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Thảo luận tại Đại hội:** Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội. Ý kiến của cổ đông về các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

- **Ý kiến cổ đông:** Qua báo cáo kết quả SXKD của Công ty, cổ đông chia sẻ khó khăn hoạt động của Công ty, sản lượng kinh doanh than của Công ty sụt giảm so với năm trước tuy nhiên Công ty đã nỗ lực trong công tác điều hành nên chi phí lãi vay đã

giảm so với năm trước. Đề nghị: (1) Công ty làm rõ kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty; (2) Lợi nhuận Công ty năm 2020 không đạt để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020 do vậy đề nghị xem xét không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để lại vốn cho Công ty, chi trả sau.

**Trả lời:**

(1) Công ty đã phần đầu tiết giảm các chi phí đặc biệt là các chi phí lãi vay, chiến lược KD than của Công ty cho các năm tiếp theo: Công ty xây dựng kế hoạch chiến lược báo cáo cổ đông lớn Tổng công ty Xi măng Việt Nam, để triển khai ký hợp đồng chiến lược với Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam để phục vụ cho kinh doanh than ổn định đảm bảo cung cấp cho các Công ty Xi măng tối thiểu là 35% nhu cầu của các công ty; Việc kinh doanh nguyên nhiên liệu thay thế (rác thải, bùn thải,...), VICEM đã có định hướng các Công ty Xi măng sử dụng, Công ty đang triển khai tìm kiếm các nguồn hàng cung cấp đảm bảo nhu cầu của các đơn vị; Công ty đang triển khai khảo sát mặt hàng quặng tại Thái Nguyên để phục vụ kinh doanh cho các năm tiếp theo; Làm việc với các Công ty Xi măng mua bán Clinker, vận chuyển thuê xi măng.

(2) Trích lợi nhuận: Do tình hình dịch Covid-19, việc kinh doanh Bất động sản gặp nhiều khó khăn, phát sinh thuế giao dịch liên kết năm 2017, 2018 dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2020 chỉ đạt 2,024 tỷ đồng không đủ để trả được cổ tức. Công ty trích lợi nhuận sau thuế năm 2020 vào quỹ khen thưởng, phúc lợi để động viên kịp thời cán bộ công nhân viên, công tác an sinh xã hội, đảm bảo đời sống cho người lao động trong Công ty, tiếp tục phần đầu kế hoạch SXKD năm 2021.

Các cổ đông khác nhất trí, không có ý kiến gì thêm.

**Đến 10h20 phút (thời điểm biểu quyết thông qua các Tờ trình Đại hội)** Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 92 cổ đông, đại diện cho 27.586.991 cổ phần, chiếm 88,42% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**H. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:**

Sau khi xem xét các Báo cáo, Tờ trình và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

**1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**2. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**3. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021** với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

**3.1. Kết quả kinh doanh 2020:**

- Tổng sản lượng bán ra, kinh doanh	
+ Than cám:	639.906 tấn
+ Rác thải:	2.290 tấn
+ Vận chuyển thuê:	42.254 tấn
+ Bán căn hộ:	03 căn
+ Cho thuê văn phòng:	1.744 m <sup>2</sup>
- Tổng doanh thu:	1.504,096 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	8,432 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	2,024 tỷ đồng
- Nộp ngân sách:	16,121 tỷ đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	0
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	0,51%
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:	0,20 %
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu:	0,13 %

**3.2. Kế hoạch kinh doanh 2021:**

- Tổng giá trị sản lượng bán ra và vận tải:	
+ Than cám:	650.000 tấn
+ Rác thải:	12.000 tấn
+ Bùn thải:	13.200 tấn
+ Vận chuyển thuê:	38.400 tấn
- Tổng doanh thu:	1.553,558 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	8,786 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	7,029 tỷ đồng
- Nộp ngân sách:	13,949 tỷ đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	0
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	1,76 %
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:	0,70 %
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu:	0,45 %

**4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 547/TTr-HDQT ngày 24/5/2021** với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội

**5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 548/TTr-HDQT ngày 24/5/2021** với 20.476.807 cổ phần tán thành, tương đương 74,23% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại

Đại hội, cụ thể như sau:

1. Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2020:	2.024.037.235đ
2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:	
Tổng lợi nhuận phân phối:	2.024.037.235đ
Chia cổ tức (bằng tiền):	0
Trích quỹ thưởng người quản lý:	120.000.000đ
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	1.904.037.235đ

**6. Thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021 theo nội dung Tờ trình số 549/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:**

**6.1. Thực hiện năm 2020:**

a. Chi trả thù lao

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng

b. Chi trả tiền lương

Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương tương đương chức danh Trưởng phòng theo Quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

**6.2 Kế hoạch năm 2021:**

a. Chi trả thù lao

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng

b. Chi trả tiền lương

Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương tương đương chức danh Trưởng phòng theo Quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

**7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 theo nội dung Tờ trình số 04/TTr-BKS ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**8. Thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan theo Tờ trình số 550/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương**

đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

Thông nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng năm 2021 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo hiệu quả, đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

**9. Thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo Tờ trình số 551/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**10. Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 552/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**11. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 553/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**12. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**13. Thông qua việc miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026 theo Tờ trình số 555/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.**

**14. Đại hội đã thống nhất bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:**

**- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên trúng cử:**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự DH (%)
1	Nguyễn Văn Chàng	40.511.952	146,85%
2	Trần Đình Dũng	35.656.714	129,25%
3	Trần Khắc Mạnh	21.774.210	78,93%
4	Hoàng Vũ Thắng	20.288.165	73,54%
5	Phạm Văn Phương (TVHĐQT độc lập)	19.703.914	71,42%

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên trúng cử:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
1	Nguyễn Thị Thu Hà	43.014.155	155,92%
2	Mai Thanh Hải	20.312.423	73,63%
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	19.434.395	70,45%

**I. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày.**

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Biên bản gồm 08 trang, được lập thành 03 bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 tại Văn phòng Công ty 01 bản, lưu Văn thư 01 bản, lưu Ban Thư ký 01 bản.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 sẽ được lập thành văn bản và thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**

  
 Hoàng Vũ Thắng

  
 Trần Khắc Mạnh

  
 Phạm Đức Cường



**Chủ Tọa**

**BAN THƯ KÝ**

  
 Phạm Ngọc Đức

  
 Nguyễn Thị Bích Nguyệt



Số: **720** /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày **30** tháng **06** năm **2021**

## NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM ngày 30/6/2021.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:**

#### **3.1. Kết quả kinh doanh 2020:**

- Tổng sản lượng bán ra, kinh doanh	
+ Than cám:	639.906 tấn
+ Rác thải:	2.290 tấn
+ Vận chuyển thuê:	42.254 tấn
+ Bán căn hộ:	03 căn
+ Cho thuê văn phòng:	1.744 m <sup>2</sup>
- Tổng doanh thu:	1.504,096 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	8,432 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	2,024 tỷ đồng
- Nộp ngân sách:	16,121 tỷ đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	0
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	0,51%

- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:	0,20 %
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu:	0,13 %

### 3.2. Kế hoạch kinh doanh 2021:

- Tổng giá trị sản lượng bán ra và vận tải:	
+ Than cám:	650.000 tấn
+ Rác thải:	12.000 tấn
+ Bùn thải:	13.200 tấn
+ Vận chuyển thuê:	38.400 tấn
- Tổng doanh thu:	1.553,558 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	8,786 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	7,029 tỷ đồng
- Nộp ngân sách:	13,949 tỷ đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	0
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	1,76 %
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:	0,70 %
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu:	0,45 %

**Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 547/TTr-HDQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội**

**Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 548/TTr-HDQT ngày 24/5/2021 với 20.476.807 cổ phần tán thành, tương đương 74,23% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:**

1. Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2020:	2.024.037.235đ
2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:	
Tổng lợi nhuận phân phối:	2.024.037.235đ
Chia cổ tức (bằng tiền):	0
Trích quỹ thưởng người quản lý:	120.000.000đ
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	1.904.037.235đ

**Điều 6. Thông qua mức thù lao HDQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021 theo nội dung Tờ trình số 549/TTr-HDQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:**

#### 6.1. Thực hiện năm 2020:

##### a. Chi trả thù lao

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng

b. Chi trả tiền lương

Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương tương đương chức danh Trưởng phòng theo Quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

**6.2 Kế hoạch năm 2021:**

a. Chi trả thù lao

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng

b. Chi trả tiền lương

Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương tương đương chức danh Trưởng phòng theo Quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

**Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 theo nội dung Tờ trình số 04/TTr-BKS ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**Điều 8. Thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan theo Tờ trình số 550/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:**

Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng năm 2021 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo hiệu quả, đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 9. Thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo Tờ trình số 551/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**Điều 10. Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 552/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**Điều 11. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 553/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**Điều 12.** Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 13.** Thông qua việc miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026 theo Tờ trình số 555/TTr-HĐQT ngày 24/5/2021 với 27.586.991 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

**Điều 14.** Đại hội đã thống nhất bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên trúng cử:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
1	Nguyễn Văn Chàng	40.511.952	146,85%
2	Trần Đình Dũng	35.656.714	129,25%
3	Trần Khắc Mạnh	21.774.210	78,93%
4	Hoàng Vũ Thắng	20.288.165	73,54%
5	Phạm Văn Phương (TV HĐQT độc lập)	19.703.914	71,42%

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên trúng cử:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
1	Nguyễn Thị Thu Hà	43.014.155	155,92%
2	Mai Thanh Hải	20.312.423	73,63%
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	19.434.395	70,45%

**Điều 15:** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2021.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và toàn thể Cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- HNX, UBCKNN (để b/c);
- VICEM (để b/c);
- Như điều 15;
- Lưu: VT.



**Phạm Đức Cường**

Số: 478 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM, Hội đồng quản trị xin báo cáo công tác quản lý năm 2020 như sau:

### **PHẦN I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2020**

#### **I. Đặc điểm tình hình**

##### **1. Thuận lợi:**

- Năm 2020, Tổng sản phẩm quốc nội GDP nước ta vẫn duy trì được đà tăng đạt 2,91%, là một trong số ít nền kinh tế có mức tăng trưởng dương trên thế giới và khu vực, trong đó ngành xây dựng tăng trưởng 6,76%.

- Đối với toàn VICEM hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn ổn định, tổng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ đạt 29,33 triệu tấn, bằng 100% kế hoạch năm 2020.

- Lãi suất vay ngắn hạn và trung hạn tại các tổ chức tín dụng ở mức thấp hơn những năm trước.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 luôn là một tập thể có tính kế thừa, có tinh thần đoàn kết và thống nhất cao, coi trọng dân chủ và tri tuệ tập trung, luôn nhận được sự ủng hộ, đồng tình của tập thể cán bộ, công nhân viên lao động trong toàn Công ty, sự tin tưởng của các cổ đông và các nhà đầu tư.

##### **2. Khó khăn:**

- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 kéo dài ngay từ đầu năm đến nay vẫn còn diễn biến phức tạp trên nhiều quốc gia, đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD trên thế giới, trong đó có Việt Nam;

- Thời tiết diễn biến bất thường và rất khó lường, mưa, bão, lũ lụt xảy ra liên tục nhất là khu vực miền Trung.

- Công ty chịu nhiều yếu tố bất lợi tác động đến hoạt động SXKD như:

+ Than nhập khẩu nhiều, giá thấp hơn so với cùng chủng loại than nội địa, dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng; các Công ty xi măng đã tập trung mua phần lớn than nhập khẩu và của các đối tác thương mại khác, thị phần cung cấp than của VICEM E&E giảm đi đáng kể.

+ Tồn kho than còn ở mức khá cao, tình hình thanh toán công nợ của các Công ty xi măng vẫn rất chậm, Công ty vẫn phải vay ngân hàng, làm tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

+ Dư nợ tiền mua than của các công ty xi măng đối với Công ty luôn giữ ở mức rất cao so với thỏa thuận trong hợp đồng đã ảnh hưởng đến cân đối tài chính và lợi nhuận của Công ty.

+ Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, thị trường bất động sản gần như đóng băng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh các sản phẩm bất động sản thuộc dự án tòa nhà COMATCE TOWER. Căn hộ tồn đọng chưa bán hết, diện tích Văn phòng trống còn ở mức cao

+ Nguồn hàng trong nước khan hiếm, dẫn đến nhu cầu vận tải thủy hạn chế, việc kinh doanh, dịch vụ vận tải đã triển khai nhưng thực hiện ở mức còn thấp.

+ Việc triển khai kinh doanh rác thải, bùn thải triển khai chậm do điều kiện kinh doanh nghiêm ngặt, thủ tục pháp lý chặt chẽ, rườm rà, là lĩnh vực hoàn toàn mới nên chưa có kinh nghiệm trong việc khai thác, xử lý nguồn hàng và tổ chức thực hiện.

## II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020.

Trên cơ sở nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua, định hướng chiến lược của Tổng công ty Xi măng Việt Nam. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị công ty đã phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức, trên cơ sở đó đề ra nhiều biện pháp và định hướng đúng đắn trong lãnh đạo, quản lý và điều hành, làm tốt công tác thị trường, hợp tác chặt chẽ với các công ty thành viên trong VICEM và các đơn vị bạn hàng, nên đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác năm 2020. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	DVT	KH ĐHDCD phần đầu 2020	KH 2020	TH năm 2020	%TH/ KH 2020
1	Sản lượng than mua vào	Tấn	-	576.234	589.660	102%
2	Sản lượng than bán ra	Tấn	720.000	644.447	639.906	99%
3	Doanh thu	Tỷ đ	1.888,032	1.548,246	1.504,096	97%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	16,495	7,355	8,432	115%
5	Lợi nhuận sau thuế *	Tỷ đ	13,196	5,884	2,024	34%
6	Nộp ngân sách	Tỷ đ	13,851	14,571	16,120	111%
7	Cổ tức	%	3	0	0	0%
8	Tiền lương BQ người LĐ	Trđ/ng/ tháng	-	14,3	14,3	100%

(\*) Ghi chú: Năm 2020 ngoại trừ thuế TNDN phát sinh từ giao dịch liên kết thì Lợi nhuận sau thuế là 6,718 tỷ (đạt 114% kế hoạch 2020).

### 1. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên	Chức danh	Chi phúc lợi, KT...	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
Lê Xuân Khôi	Nguyên Chủ tịch HĐQT (Từ 19/10/2020)	18.000.000		60.000.000	33.647.895	111.647.895
Phạm Đức Cường	Chủ tịch HĐQT (Từ 19/10/2020)	5.000.000		12.000.000		17.000.000
Huỳnh Trung Hiếu	Nguyên Thành viên HĐQT (Từ 29/6/2020)	25.000.000	266.374.237	24.000.000	33.647.895	349.022.132
Trần Khắc Mạnh	TV HĐQT, TGĐ Cty (Từ 29/6/2020)	33.000.000	449.895.268	24.000.000		506.895.278
Phùng Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	37.000.000	475.696.179	48.000.000	24.034.211	584.730.390
Hoàng Vũ Thắng	Thành viên HĐQT	23.000.000		48.000.000	24.034.211	95.034.211
Trịnh Quang Hải	Thành viên HĐQT,	23.000.000		48.000.000	24.034.211	95.034.211

## 2. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Với quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường năm 2020 và tình hình thực tế của Công ty. Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ và đột xuất để xử lý những nội dung công việc thuộc thẩm quyền, tập trung chỉ đạo và có 41 nghị quyết, quyết định kịp thời phục vụ công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	07/NQ-HĐQT	03/01/2020	Về việc thông qua hợp đồng cung cấp than với Công ty Cổ phần Vicem Bút Sơn năm 2020
2	08/NQ-HĐQT	06/01/2020	Về việc gia hạn HĐ với Công ty TNHH Long Sơn và ký HĐ với Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn năm 2020
3	29/NQ-HĐQT	09/01/2020	Về công tác cán bộ (bổ nhiệm Giám đốc Công ty)
4	140/NQ-HĐQT	08/02/2020	Phiên họp HĐQT Quý I năm 2020
5	141/NQ-HĐQT	08/02/2020	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
6	176/NQ-HĐQT	19/02/2020	Về việc ký hợp đồng cung cấp than với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
7	196/NQ-HĐQT	28/02/2020	Về việc vay vốn Tổng công ty Xi măng Việt Nam.
8	244/NQ-HĐQT	11/03/2020	Về việc thực hiện Hệ thống thang bảng lương BHX11
9	348/NQ-HĐQT	31/03/2020	Về việc gia hạn hợp đồng vận chuyển, bốc xếp, chế biến than
10	353/NQ-HĐQT	31/03/2020	Về việc ký Hợp đồng mua bán than với Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn
11	392/NQ-HĐQT	08/4/2020	Về việc rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026.
12	401/NQ-HĐQT	10/4/2020	Về việc ký hợp đồng cung cấp than với Công ty TNHH

			MTV Xi măng Vicem Tam Điệp
13	454/NQ-HĐQT	23/4/2020	Về việc lùi thời gian tổ chức Đại hội ĐCĐTN 2020
14	492/NQ-HĐQT	04/5/2020	Về việc ký hợp đồng cung cấp than với Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
15	516/NQ-HĐQT	07/5/2020	Về việc thống nhất danh sách điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026
16	531/NQ-HĐQT	11/5/2020	Về việc công tác cán bộ (b/c VICEM bổ nhiệm lại phó GD)
17	634/NQ-HĐQT	05/6/2020	Về việc công tác cán bộ (thôi giữ chức vụ KTT và bổ nhiệm lại Trưởng Phòng TCLĐ, Trưởng CN Hà Nam, Bim Sơn, Đoàn vận tải)
18	662/NQ-HĐQT	18/6/2020	Về việc tổ chức Đại hội ĐCĐTN năm 2020
19	704/NQ-HĐQT	27/6/2020	Về việc rút đơn xin từ nhiệm
20	756/NQ-HĐQT	02/7/2020	Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty
21	774/NQ-HĐQT	03/7/2020	Về việc ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020
22	827/NQ-HĐQT	08/7/2020	Về việc thông qua các hợp đồng năm 2020 với Công ty TNHH Long Sơn
23	924/NQ-HĐQT	28/7/2020	Về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020
24	933/NQ-HĐQT	28/7/2020	Về việc thông qua HĐ 5a.1 với VICEM Hoàng Thạch
25	936/NQ-HĐQT	29/7/2020	Về việc vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động
26	1032/NQ-HĐQT	24/8/2020	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
27	1037/NQ-HĐQT	26/8/2020	Về việc công tác cán bộ (bổ nhiệm lại Trưởng CN Hải Phòng, trưởng VP đại diện Phú Thọ)
28	1065/NQ-HĐQT	03/9/2020	Phiên họp HĐQT Quý III năm 2020
29	1118/NQ-HĐQT	18/9/2020	Về việc vay vốn Tổng công ty Xi măng Việt Nam
30	1202/NQ-HĐQT	07/10/2020	Về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
31	1224/NQ-HĐQT	15/10/2020	Về việc chi thưởng Người quản lý Công ty năm 2019
32	1235/NQ-HĐQT	19/10/2020	Về việc bầu chủ tịch Hội đồng quản trị
33	1265/NQ-HĐQT	29/10/2020	Về việc thông qua hợp đồng mua bán than 4b.2 với Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn
34	1303/NQ-HĐQT	05/11/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019
35	1338/NQ-HĐQT	17/11/2020	Về việc thông qua chủ trương Kế hoạch sản lượng năm 2021
36	1339/NQ-HĐQT	17/11/2020	Về việc công tác cán bộ
37	1340/NQ-HĐQT	17/11/2020	Phiên họp HĐQT Quý IV năm 2020
38	1428/NQ-HĐQT	10/12/2020	Về việc thông qua hợp đồng mua bán than với Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
39	1454/NQ-HĐQT	16/12/2020	Về việc lùi thời gian chi trả cổ tức năm 2019



40	1483/NQ-HDQT	24/12/2020	Về việc công tác cán bộ
41	1539/NQ-HDQT	31/12/2020	Về gia hạn hợp đồng vận tải, bốc xếp và chế biến than năm 2020

### **3. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Công ty**

- Công ty ký hợp đồng vận chuyển than bốc xếp, thuê bãi năm 2018, 2019, 2020 với Công ty TNHH Long Sơn do ông Trịnh Quang Hải là Tổng Giám đốc. Ông Hải hiện là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 239/NQ-HDQT ngày 01/02/2018, Nghị quyết số 319/NQ-HDQT ngày 25/02/2019, Nghị quyết số 827/NQ-HDQT ngày 08/07/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn do ông Lê Xuân Khôi là Chủ tịch HĐQT (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 353/NQ-HDQT ngày 31/3/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty TNHH Xi măng Hoàng Thạch do ông Lê Xuân Khôi là Tổng Giám đốc (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 933/NQ-HDQT ngày 28/7/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn do ông Phạm Đức Cường là Chủ tịch HĐQT (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 1265/NQ-HDQT ngày 29/10/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hạ Long do ông Phạm Đức Cường là Chủ tịch HĐQT (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 1428/NQ-HDQT ngày 10/12/2020).

- Công ty ký hợp đồng cho thuê 03 tàu trọng tải 1.623T với Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên do ông Lê Xuân Khôi làm Chủ tịch HĐQT. Việc ký kết hợp đồng đã được Hội đồng quản trị thống nhất ra Nghị quyết số 1578/NQ-HDQT ngày 26/12/2019.

### **4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT**

- Hoàn thành công việc theo sự phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp HĐQT và có ủy quyền biểu quyết khi vắng mặt.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

- Các thành viên trong HĐQT thực hiện nghiêm túc việc công khai thù lao, tiền lương và các lợi ích khác theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

**5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có các tiểu ban.

**6. Công tác giám sát hoạt động Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty**

- Năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

- Thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết; tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty báo cáo, kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ được giao phụ trách.

- Năm 2020, Ban điều hành và các cán bộ quản lý Công ty đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật; Ban điều hành đã có nhưng giải pháp linh hoạt, kịp thời để khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.

**III. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 2020**

- Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; thực hiện nghiêm túc, đúng thẩm quyền, phạm vi, trách nhiệm, trung thực; chỉ đạo ban Tổng Giám đốc thực hiện kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng Giám đốc điều hành;

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc và các tổ chức đoàn thể;

- Các chỉ tiêu về SXKD 2020 được VICEM phê duyệt đã được thực hiện, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách đối với nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn, lợi ích của cổ đông, việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo và ổn định;

**Từ những kết quả đạt được như trên, Hội đồng quản trị đánh giá: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2020”.**

**IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2021**

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, Hội đồng quản trị công ty tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản năm 2021 như sau:

**1. Các chỉ tiêu chính trong sản xuất kinh doanh năm 2021:**

- Sản lượng than bán ra: 650.000 tấn
- Tổng doanh thu: 1.553,558 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 8,786 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 13,949 tỷ đồng

- Thu nhập bình quân người lao động: 15 triệu đồng/người/tháng

## **2. Công tác sản xuất kinh doanh**

- *Kinh doanh than*: Xác định trong năm 2021, kinh doanh than vẫn là mặt hàng chủ yếu, cốt lõi. Hội đồng quản trị thống nhất chỉ đạo công ty bám sát tình hình thị trường, tích cực tìm kiếm các nguồn than có giá cả hợp lý, chất lượng phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng than cám cho các công ty xi măng thuộc VICEM. Tổ chức chế biến than nhằm mục tiêu giảm lượng hàng tồn kho phù hợp với tình hình SXKD năm 2021 của Công ty; Tiếp tục chỉ đạo, rà soát xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, rà soát, tiết giảm các chi phí để đảm bảo giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong SXKD và tăng thị phần cung cấp than;

- *Kinh doanh BDS*:

+ Xây dựng chính sách bán hàng ưu đãi, triển khai bán hàng đa kênh trong công tác quảng cáo giới thiệu sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm căn hộ.

+ Không ngừng nâng cao chất lượng trong công tác quản lý vận hành tòa nhà tạo uy tín với khách hàng, tăng cường khai thác các dịch vụ để tăng nguồn thu, đảm bảo hiệu quả.

- *Các lĩnh vực kinh doanh khác*:

+ Đối với kinh doanh clinker: Tiếp tục triển khai mua clinker của các Công ty SXXM để thực hiện đối trừ công nợ giảm chi phí tài chính, tăng hiệu quả kinh doanh.

+ Đối với bùn thải: Tiếp tục bám sát tiến độ triển khai của VICEM với các sở ban ngành liên quan về xử lý bùn thải tại bãi Yên Sở. Tìm kiếm thêm các nguồn bùn thải khác để cung cấp cho các Công ty SXXM.

+ Tiếp tục tìm kiếm thêm các nguồn rác thải tại Hà Nội và các khu vực lân cận để bổ sung nguồn cung ổn định, đảm bảo chất lượng để cấp cho các NMXM.

+ Tiếp tục khai thác dịch vụ vận tải

## **2. Về công tác đầu tư:**

Dự án ĐTXD Toà nhà Công ty CP Vật tư Vận tải Xi măng: Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình VICEM phê duyệt theo quy định.

## **3. Một số mặt công tác khác**

- Chỉ đạo tổ chức tổng kết công tác 2020, phân tích hoạt động kinh tế, tìm các nguyên nhân thiếu sót, tồn tại và các biện pháp trong quản lý, điều hành nhằm hoàn thiện cơ chế và nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý của Hội đồng quản trị Công ty; sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên, báo cáo Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét;

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chương trình hành động phòng, chống tham nhũng theo các quy định của Pháp luật và theo chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam;

- Xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ tăng cường cho việc ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm kết quả công tác 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác 2021 của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục bám sát chức năng, quyền hạn, phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung sức mạnh trí tuệ và tinh thần đoàn kết để làm tốt hơn nữa công tác quản lý Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. Xin trân trọng cảm ơn./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
  
**Phạm Đức Cường**

Số: 03 /NL & MT-BKS

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO  
CỦA BAN KIỂM SOÁT  
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông**

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem trong năm 2020 như sau:

## **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Các công tác đã thực hiện năm 2020:**

#### **1.1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát.**

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý với đầy đủ các thành viên tham gia để phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát, tổng kết công tác kỳ trước và triển khai công việc kỳ tiếp theo. Trong năm 2020 thông qua các cuộc họp định kỳ ban kiểm soát đã đưa ra những kết luận và kiến nghị sau:

+Thông nhất phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát và các chương trình kế hoạch hoạt động của ban.

+Thông qua kết quả thẩm định BCTC năm 2019, soát xét BCTC hàng quý/2020 và thẩm định BCTC 6 tháng/2020. Ban kiểm soát thống nhất với các ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán An Việt đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty.

+Thông nhất các ý kiến tham gia vào việc sửa đổi Điều lệ, các Quy chế, quy định và một số hợp đồng... của Công ty.

+Thông nhất tham gia một số kiến nghị với Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo Công ty.

+Ban kiểm soát có kiến nghị ban lãnh đạo Công ty xem xét cân đối mức tồn kho hợp lý trong điều kiện giá than không có xu hướng tăng mạnh và dòng tiền của Công ty đang gặp khó khăn do tồn kho hàng hóa bất động sản và dư nợ của các Công

ty Xi măng luôn ở mức cao. (Năm 2019 Công ty để tồn kho ở mức cao so với sản lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng).

+Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo công ty chỉ đạo cân đối đưa ra các chính sách quảng bá, khuyến mại, cân đối mức giá căn hộ hợp lý phù hợp thị trường ở thời điểm hiện tại để đẩy nhanh việc bán căn hộ. Đồng thời chỉ đạo các bộ phận liên quan sát sao để khai thác tốt các dịch vụ tòa nhà Comatce Tower mang lại hiệu quả lớn hơn cho Công ty.

+Ban kiểm soát có kiến nghị ban lãnh đạo công ty xem xét đánh giá, cơ cấu lại hoạt động của Đoàn vận tải để đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

## **1.2. Hoạt động của ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia ý kiến, đưa ra những kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2020, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2020.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; phối hợp với phòng kế toán tài chính xem xét, phản hồi các ý kiến của kiểm toán Độc lập. Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia cùng bộ phận pháp chế xây dựng, sửa đổi Điều lệ và một số Quy chế, quy định của Công ty. Phối hợp với bộ phận kiểm soát nội bộ đưa ra ý kiến góp ý cho các đơn vị trong quá trình thực hiện.

- Năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ tài liệu các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động. Thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các lớp học bổ sung kiến thức, khóa đào tạo chuyên đề về quản lý tài chính, thuế nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời chế độ chính sách, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng, để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao. Trong năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

## **2. Kế hoạch định hướng năm 2021**

Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và của Công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

Ban kiểm soát sẽ tham gia cùng bộ phận pháp chế xây dựng quy chế hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ và tăng cường phối hợp trong việc thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chuyên sâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

## **II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các vấn đề cần xử lý nhanh, Hội đồng quản trị cũng đã thông qua theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với các quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Tuy nhiên trong năm 2020 là một năm khó khăn chung của nền kinh tế do dịch bệnh kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty:

+ Than nhập khẩu nhiều, giá thấp hơn so với cùng chủng loại than nội địa, dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng; các Công ty xi măng đã tập trung mua phần lớn than nhập khẩu và của các đối tác thương mại khác, thị phần cung cấp than của VICEM E&E giảm đi đáng kể.

+ Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, thị trường bất động sản gần như đóng băng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh các sản phẩm bất động sản thuộc dự án tòa nhà COMATCE TOWER. Căn hộ tồn đọng chưa bán hết, diện tích Văn phòng trống còn ở mức cao.

+ Nguồn hàng trong nước khan hiếm, dẫn đến nhu cầu vận tải thủy hạn chế, việc kinh doanh, dịch vụ vận tải đã triển khai nhưng thực hiện ở mức còn thấp. Việc khai thác 03 tàu 800 tấn của Đoàn vận tải chưa đạt hiệu quả do trọng tải thấp, tàu cũ thường xuyên phải sửa chữa.

+ Việc triển khai kinh doanh rác thải, bùn thải triển khai chậm do điều kiện kinh doanh nghiêm ngặt, thủ tục pháp lý chặt chẽ, phức tạp và là lĩnh vực hoàn toàn mới nên Công ty chưa có kinh nghiệm trong việc khai thác, xử lý nguồn hàng cũng như tổ chức thực hiện.

Từ những khó khăn trên nên trong năm 2020 các chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận... của Công ty đều chưa hoàn thành so với kế hoạch ĐHCĐ giao. Tuy nhiên so với kế hoạch đã điều chỉnh, Công ty cũng đã hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản như: Sản lượng than bán ra, lợi nhuận, nộp ngân sách...

- Trong năm 2020 HĐQT đã tích cực chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty tìm giải pháp tính toán, cân đối mức giá căn hộ phù hợp với thị trường nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả, để có thể đẩy nhanh bán bán các hộ tòa nhà Comatce song tiến độ triển khai còn chưa đạt như kỳ vọng.

### **III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty bám sát các nội dung của nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT. Ban Tổng giám đốc đã hoạt động một cách chủ động, trách nhiệm cao bằng việc thực hiện các giải pháp về tổ chức nhân sự, tài chính kế toán, cơ chế kinh doanh, quảng cáo khuyến mại... trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

+ Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2020 có nhiều khó khăn đối với Công ty: với kinh doanh than, các Công ty Sản xuất xi măng tăng cường mua than ngoài, giảm lượng nhập hàng của Công ty. Sản lượng thực hiện năm 2020 của Công ty đạt 639.906 tấn tương đương với 99% kế hoạch điều chỉnh năm và bằng 73% so với năm 2019. Tỷ lệ bán ra cho các Công ty SXXM chỉ đạt 75% so với sản lượng ký kết Hợp đồng.

Do dịch bệnh kéo dài nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mảng kinh doanh bất động sản của Công ty, số căn hộ bán ra trong năm đạt thấp, một số sản văn phòng xin chậm dứt trước thời hạn trong khi tìm kiếm khách hàng mới gặp rất nhiều khó khăn.

Ngoài ra lĩnh vực kinh doanh vận tải của Công ty chưa đạt hiệu quả cao do ảnh hưởng từ dịch bệnh nên nhu cầu vận chuyển hàng hóa giảm mạnh. Lĩnh vực kinh doanh rác thải, bùn thải là lĩnh vực kinh doanh mới nên Công ty đang còn gặp nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý cũng như tìm các nguồn phù hợp với công nghệ của các Công ty Xi măng, do đó hiệu quả mang lại chưa đạt như kỳ vọng.

Mặc dù Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm mức tồn kho ở mức hợp lý, tổ chức tăng cường kiểm soát hao hụt, giảm chi phí xuống mức hợp lý, chi phí tài chính giảm mạnh, tăng cường thu hồi công nợ .... Tuy nhiên sản lượng than bán ra trong năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 dẫn đến các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và mức



chi trả cổ tức cho cổ đông, chưa đạt kế hoạch phân đầu ĐHCĐ giao, song một số chỉ tiêu cơ bản vẫn đạt so với kế hoạch điều chỉnh như: sản lượng than bán ra, lợi nhuận, nộp ngân sách.

+ *Về công tác tài chính kế toán:* Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với các khoản nợ, Ban điều hành đã chỉ đạo tìm các biện pháp thu hồi công nợ, tuy nhiên dư nợ phải thu của các công ty xi măng vẫn vượt so với cam kết nên chi phí tài chính tuy đã giảm mạnh so với năm 2019 nhưng vẫn ở mức cao. Đối với các khoản nợ phải trả, Công ty chủ yếu thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính cho Công ty. Bên cạnh đó, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng được tăng cường đảm bảo nguồn vốn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ *Về công tác đầu tư kinh doanh bất động sản:* Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tích cực trong công tác truyền thông và đa dạng các chính sách chiết khấu, khuyến mại, cải tạo bổ sung thêm các tiện ích cho tòa nhà, xem xét cân đối lại giá căn hộ phù hợp thị trường... để đẩy nhanh việc bán hàng và cho thuê vẫn phòng. Trong năm 2020 do dịch bệnh kéo dài, thị trường kinh doanh bất động sản tăng trưởng thấp, thương hiệu của Công ty chưa đủ mạnh nên việc tiêu thụ căn hộ chưa đạt kế hoạch đề ra.

+ *Về công tác tổ chức nhân sự:* Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành rà soát, sắp xếp, định biên lao động, tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ thực tế của các phòng ban, đơn vị tại Công ty. Tuy nhiên trong một số lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty trong thời gian tới vẫn cần bổ sung một số vị trí phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty đang xây dựng đề án tái cấu trúc: đánh giá, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt nam.

+ *Về công tác khác:*

Kinh doanh đoàn vận tải: Công ty đã tiến hành cho thuê 03 tàu 1.633 tấn tại thị trường phía Nam và mang lại hiệu quả cao hơn so với tự khai thác. Tuy nhiên việc khai thác 03 tàu 800 tấn chưa hiệu quả do trọng tải tàu thấp, tàu cũ thường xuyên phải sửa chữa, tàu vẫn chủ yếu khai thác trên những tuyến ngắn, vòng quay phương tiện thấp.

\**Kinh doanh rác thải/bùn thải:* Trong năm 2020 Công ty đã triển khai cung cấp rác cho một số Công ty Xi măng sản lượng đạt 2.290 tấn bằng 145% kế hoạch. Đây là lĩnh vực kinh doanh mới nên Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn nguồn cung phù hợp với công nghệ đốt lò của các Công ty Xi măng cũng như việc cạnh tranh với các đơn vị cung cấp hiện tại.

\**Bùn thải:* Hiện Công ty đang chờ chính sách hỗ trợ của Sở Xây dựng Hà Nội và tìm kiếm nguồn từ các đơn vị ở một số địa phương có chính sách hỗ trợ để cung cấp cho các Công ty Xi măng, đảm bảo lợi ích và hiệu quả cho các bên.

Trong năm 2020, còn có một số công tác Ban điều hành chưa thực hiện tốt:

- Ban điều hành đã triển khai nhiều biện pháp nhằm bán căn hộ và cho thuê văn phòng tại dự án tòa nhà COMATCE Tower nhưng tiến độ bán căn hộ còn chậm.
- Công tác điều hành kinh doanh đối với 03 tàu 800 tấn thuộc Đoàn vận tải chưa thật tốt, chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

#### IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

##### 1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2020, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

##### 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2020 theo BCTC như sau:

Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch phần đầu ĐHĐCD giao	Kế hoạch 2020 (điều chỉnh)	Thực hiện 2020	TH/KH 2020	TH2020 /TH2019
1. Tổng doanh thu	Tỷ đ	2.176	1.888	1.548	1.504	97%	69%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	16,39	16,49	7,35	8,432	115%	51%
3. Nộp ngân sách	Tỷ đ	21,15	13,85	14,57	16,12	111%	76%
4. Cổ tức (dự kiến)	%	3%	3%	0	0		0%

- Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD phần đầu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, nhưng so với kế hoạch điều chỉnh, một số chỉ tiêu cơ bản như Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đạt kế hoạch điều chỉnh. Năm 2020 là năm khó khăn chung của nền kinh tế nên các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều giảm mạnh so với năm 2019.

##### 3. Tình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020.

###### 3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,6%	28,6%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,4%	71,4%
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	63,4%	57,3%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,6%	42,7%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,88
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,37

<b>4. Tỷ suất sinh lời</b>			
- Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	%	0,6	0,13
- Lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu bình quân Trong đó: VCSH = Vốn góp CSH + Quỹ ĐTPT	%	3,23	0,5

Đánh giá chung: cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty có biến động nhẹ so với năm 2019. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản giảm nhẹ so với năm 2019 chủ yếu do trong năm 2020 Công ty đã thực hiện giảm tồn kho đối với mặt hàng than, trong khi tài sản dài hạn trong năm không biến động nhiều. Tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn giảm; khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh trong năm 2020 được đảm bảo an toàn và có xu hướng tăng lên. Chi phí lãi vay năm 2020 là 27,6 tỷ, bằng 54,4% so với năm 2019 (50,7 tỷ), trong khi doanh thu năm 2020 bằng 69% so với 2019 cho thấy chi phí lãi vay trong năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019, trong năm Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm chi phí ở mức hợp lý, giảm tồn kho đối với mặt hàng than, tăng cường kiểm soát hao hụt từ đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm đáng kể. Nhưng xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu năm 2020 đều giảm so với năm 2019, nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm là do sản lượng than tiêu thụ trong năm 2020 giảm mạnh, chỉ đạt 73% so với cùng kỳ năm 2019.

Năm 2020, do phát sinh thuế TNDN từ giao dịch liên kết theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết dẫn đến LNST của Công ty giảm mạnh; nếu loại trừ ảnh hưởng của thuế TNDN từ giao dịch liên kết thì LNST năm 2020 đạt 6,718 tỷ đồng; LNST/DT thuần đạt 0,45 %; LNST/VCSH bình quân đạt 1,68%.

### **3.2. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020.**

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn là 1,37 lần, tỷ lệ này cho thấy Công ty đang đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.
- Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 1,34 lần, giảm so với đầu năm và <3. Tỷ lệ này là phù hợp với mô hình hoạt động và quy định của Công ty.
- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2020 là 398,05 tỷ đồng, bằng 26,5% doanh thu 2020 của Công ty. Tỷ lệ khoản phải thu khách hàng của Công ty là tương đối cao, cho thấy Công ty đang bị chiếm dụng vốn bởi khách hàng.
- Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2020 là 240,97 tỷ đồng, so với đầu năm là 371,9 tỷ đồng. Hàng tồn kho giảm chủ yếu do giảm tồn kho mặt hàng than cám, trong khi thành phẩm bất động sản tồn kho hình thành từ các căn hộ tòa nhà Comatce Tower trong năm 2020 không giảm nhiều.
- Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 355,5 tỷ đồng, so với đầu năm là 603,5 tỷ đồng. Vay ngắn hạn có xu hướng giảm do trong năm Công ty đã giảm mức tồn kho xuống mức hợp lý, mặt khác tình hình tiêu thụ than giảm nên chi phí vốn giảm. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều dẫn đến dư nợ vay ngắn hạn còn cao.
- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2020 là 0,044 tỷ đồng so với đầu năm là 0,57 tỷ đồng, đây là khoản vay tài trợ cho tài sản cố định thuê tài chính của Công ty.

## **V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2020**

**1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 và trả cổ tức cho Cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.**

Công ty đã thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với tỉ lệ 3%.

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**2. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.**

Công ty đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**3. Trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020.**

- Công ty đã thực hiện trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát năm 2020: 528.536.130 đ:

+Trưởng ban kiểm soát chuyên trách (hưởng lương tương đương chức danh trưởng phòng của Công ty: 456.536.130 đ.

+Thù lao 02 thành viên Ban kiểm soát: 72.000.000 đ.

**4. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:** Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, mức chi trả cổ tức năm 2020 đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, tuy nhiên so với chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh thì Công ty hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản như sản lượng bán ra, lợi nhuận, nộp ngân sách.

## **VI. KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có giải pháp triển khai nhanh việc bán các căn hộ thuộc tòa nhà Comattee Tower nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, tạo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có những giải pháp, chính sách để các Công ty Xi măng tăng sản lượng mua than của Vicem E&E.

3. Đề nghị ban lãnh đạo Công ty đánh giá, xem xét cơ cấu lại Đoàn vận tải để đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

4. Đề nghị Giám đốc Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác bán hàng, quản trị hàng tồn kho và tích cực thu hồi, kiểm soát công nợ để giảm vốn bị chiếm dụng, tăng vòng quay vốn lưu động, để giảm thiểu chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh góp phần tăng năng suất lao động, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **VII. TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và ĐHDCTĐ đã giao.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện và kết quả kiểm soát trong năm 2020.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**  
**Trưởng Ban**



**Nguyễn Thị Thu Hà**





TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 547 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

### TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;*

*Căn cứ kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM,*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM, bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên
2. Bảng cân đối Kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

*Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đính kèm tờ trình này.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT – TÓNG GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

### 1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

### 2. Đề xuất

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.


Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, BKS, HĐQT.

T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN

  
Nguyễn Thị Thu Hà



Số: 550/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

### TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan*

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường  
VICEM

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hướng dẫn về quản trị Công ty*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM*

Trong quá trình hoạt động, để nâng cao hiệu quả SXKD, Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM sẽ phát sinh một số giao dịch mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng cũng như vay vốn của một số đối tác là người có liên quan của Công ty hoặc là người có liên quan của người nội bộ trong Công ty.

Đề phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận toàn bộ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM với các tổ chức có liên quan (thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông) bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung giao dịch theo phụ lục của tờ trình này.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị xem xét thông qua, chỉ đạo và giám sát Tổng giám đốc ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Khắc Mạnh**

**Phụ lục**

**DANH SÁCH CÁC GIAO DỊCH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHẬP THUẬN**  
(Đính kèm tờ trình số 5.0 ngày 22/5/2021 của HĐQT)

STT	Đối tác giao kết hợp đồng	Quan hệ với VICEM E&E JSC	Hợp đồng giao dịch	Thời hạn ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch
1	Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	- Hợp đồng tư vấn - Hợp đồng vay vốn	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
2	Công ty xi măng Hoàng Thạch	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than, mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
3	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hạ Long	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam; Ông Phạm Đức Cường Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty xi măng Hạ Long	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
4	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hải Phòng	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

01/06/21  
 CÔNG  
 CỔ P  
 HÃNG L  
 MÔI T  
 VI  
 ỦNG Đ

5	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Sông Thao	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
6	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam; Ông Phạm Đức Cường Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty xi măng Hạ Long	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
7	Công ty xi măng VICEM Tam Điệp	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
8	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bim Sơn	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
9	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường



			mãng	niên năm 2022.
10	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hải Vân	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
11	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên I	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than ; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.

Số: 551/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

*(V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM)*

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hướng dẫn về quản trị Công ty

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Trong thời gian qua, cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng với các công ty đại chúng.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty (kèm theo).

Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCB.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT - GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**Dự thảo**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

## MỤC LỤC

### PHẦN MỞ ĐẦU

#### **Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

#### **Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

#### **Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

#### **Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

#### **Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

#### **Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

## **Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

## **Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**



Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

#### **Chương IX. BAN KIỂM SOÁT TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

#### **Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

#### **Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

#### **Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

#### **Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

#### **Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

**Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

**Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 52. Kiểm toán

**Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

**Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Thanh lý

**Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

**Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 57. Điều lệ công ty

**Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 58. Ngày hiệu lực

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...

### Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài (Tiếng Anh): **VICEM Energy and Environment Joint Stock Company**

- Tên Công ty viết tắt: **VICEM E&E JSC**

2. Hình thức: Là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức chuyên doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 280/QĐ-BXD ngày 22 tháng 2 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21B Cát Linh - Phường Cát Linh - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.38457328 - 024.38457458

- Fax: 024.38457328 - 024.38457458

- Email: [vtvvicem@gmail.com](mailto:vtvvicem@gmail.com)

- Website: [vtvxn.vn](http://vtvxn.vn) ; [nlmtvicem.vn](http://nlmtvicem.vn).

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện tại, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

a. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Quảng Ninh

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 1 A , khu 6A, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0333.832.041 Fax: 0333.832.040

b. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Thạch

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Bích Nhôi 2, Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Điện thoại: 03203.821.090 Fax: 03203.821.068

c. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hải Phòng

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Thắng Lợi, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 0313.661.204 Fax: 0313.661.203

d. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hà Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: La Mát, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Điện thoại: 03513.853.098 Fax: 03513.853.122

đ. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Ninh Bình

- Địa chỉ trụ sở chính: đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại: 0303.871.018 Fax: 0303.874.450

e. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Bim Sơn:

- Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 61, đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 0373.770.241 Fax: 0373.772.894

g. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Mai.

- Địa chỉ trụ sở chính: khối 6, Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: 0383.664.107 Fax: 0383.664.151

h. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - Đoàn vận tải.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tại số nhà 24, phố Chợ Cũ, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 0333.518.264 Fax: 0333.518.280

i. Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Phú Thọ

- Địa chỉ trụ sở chính: Phú Thọ: Tại khu 1, thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

k. Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - phía Nam

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

3) Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

**Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH  
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4530
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Chi tiết: Vận tải hàng hóa viễn dương, theo lịch trình hoặc không	5012
6	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
8	Bốc xếp hàng hóa	5224
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động hàng không) - Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Sắp xếp tổ chức các hoạt động vận tải, lấy mẫu, cân hàng; Cung ứng, cho thuê tàu biển.	5229
10	Khai thác quặng sắt	0710
11	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt -Chi tiết: Khai thác quặng bô xít, silic ...	0722
12	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Khai thác các khoáng chất khác dùng làm phụ gia SX xi măng (đá bazan, thạch cao ...)	0899
13	Tái chế phế liệu - Chi tiết: Kinh doanh khai thác, chế biến xỉ thải và phế liệu khác phục vụ cho sản xuất xi măng và các nhu cầu khác của xã hội.	3830
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661 (Chính)
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu) - Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại dùng cho SX xi măng (quặng sắt, bô xít, silic ...); Bán buôn sắt, thép.	4662

16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu phi kim loại dùng cho SX xi măng (đá bazan, thạch cao...); Bán buôn tro bay; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn các loại túi lọc bụi, băng chuyền, băng tải	4669
18	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
19	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
20	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá) (Bán trực tiếp nhiên liệu, giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng, đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ), bán lẻ của các đại lý hướng hoa hồng (ngoài cửa hàng)	4799
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, Kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
22	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; + Quản lý vận hành: Nhà cao tầng, nhà chung cư, văn phòng, khối dịch vụ thương mại	6820
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Chi tiết: Quản lý, khai thác cảng sông.	5222
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác - Chi tiết: Chế biến than đá và các loại phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội.	0990
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ - Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa + Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	5225
28	Thu gom rác thải không độc hại - Chi tiết: Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải	3811
29	Thu gom rác thải độc hại	3812
30	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821



31	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
32	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bùn thải	3700
33	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
34	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao	2394
35	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
36	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
37	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719
38	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4711
39	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
40	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
41	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
42	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
43	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh sau khi có đủ điều kiện pháp luật quy định và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: là bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

### **Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 311.998.250.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm mười một tỷ, chín trăm chín tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 31.199.825 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 37% vốn điều lệ của Công ty.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

## **Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quyết định của Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại

hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.



d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất

lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường (họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến). Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cứ một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và

không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**



Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua nghị quyết về tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến của các cổ đông bằng văn bản.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Nghị quyết về các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về mọi vấn đề để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên có quyền đề cử tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải

được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Đối với hợp đồng mua, bán than phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 42 Điều lệ này), Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc Công ty quyết định trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k) Thông qua chủ trương đề Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương;
  - l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.



5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề

hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 02 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị; Quy chế nội bộ của Công ty;
- đ) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e) Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- f) Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;
- g) Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;
- h) Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;
- i) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến của Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện). Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- j) Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- k) Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;
- l) Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các Quy chế nội bộ và hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **Chương IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.



4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;



b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG  
VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

**Phụ lục 01**

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP THỜI ĐIỂM NGÀY 10/3/2021**

*(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM ngày 17 tháng 6 năm 2021)*

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CNSH	NGÀY CẤP	ĐỊA CHỈ	SL CP
<b>I</b>	<b>CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC</b>				
	Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	0100106320	31/03/2020	228 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	19,641,72
<b>II</b>	<b>CÁC CỔ ĐÔNG KHÁC</b>				
1	Bùi Thị Bích Liên	001171000788	29/04/2014	21B Cát Linh, Công ty cổ phần VICEM vật tư - vận tải - xi măng	4,300
2	Bùi Văn Khoa	160781015	17/10/2007	Thôn Thượng Thôn, Yên Tiến, ý Yên, Nam Định	1,920
3	Dương Văn Hợi	090856543	17/01/2005	Nhà số 4 ngách 122/34, Vĩnh Tuy, HN	120
4	Hoàng Bùi Hạnh	030023513	04/07/2003	Số 2T28 Đinh Hạ, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	40
5	Hoàng Bùi Tâm	030905746	23/12/2007	280 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng	36,700
6	Hoàng Văn Anh	036166004738	18/01/2019	Số nhà 59 phố Vạn Phúc, P. Thanh Bình, Ninh Bình	620
7	Hoàng Đăng Khoa	162047116	09/03/1993	Thôn Mễ Nội, Xã Lâm Chính, TX Phú Lý, tỉnh Hà Nam	3,000
8	Hà Minh Triết	100483258	22/08/2003	Tổ 18b Quang Trung, Ưông Bí, Quảng Ninh	66
9	Hà Thị Minh	012614978	22/08/2003	Số 5 ngách 53 ngõ 285 phố Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	40
10	Hồ Thị Hằng	173667399	11/05/2010	Khu phố 2, Phường Ba Đình, Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa	1,000
11	Lê Minh Nhật	111226645	04/12/1996	667 Quang Trung Hà Đông Hà Tây	40
12	Lê Quang Vinh	011739524	18/08/2007	135A Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,480
13	Lê Trường Giang	030998825	08/06/2009	Xóm Nam, Xã Dương Quan, Thù Nguyên, Hải Phòng	13
14	Lê Văn Hai	101062081	22/03/2007	Số 32 Khu Hoàng Hoa Thám, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	200
15	Lưu Thị Lộc	038159005834	24/09/2019	Số 61, Khu 6, Ngọc Trạo, Bim Sơn, Thanh Hoá	720
16	Lưu Thị Minh Ngọc	011751472	30/05/2008	Số 5, Ngõ 175 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên Hà Nội	11,400
17	Lưu Thị Quyết Thắng	010067954	06/08/2009	Số 6 ngách 106/1 Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	5,728
18	Mai Thống Nhất	001056005535	22/07/2016	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng	5,100

19	Nguyễn Công Vinh	033065001547	22/02/2017	Ngõ 68 30B Đoàn Thị Điểm, Đống Đa, HN	1,000
20	Nguyễn Hữu Tuấn	164110821	25/05/1999	Số 98B Trần Kiên, P Thanh Bình, Ninh Bình	880
21	Nguyễn Minh Chính	010424294	09/05/2007	Số 9 ngõ Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, HN	1,400
22	Nguyễn Minh Hoàn	022061000229	30/03/2016	Tổ 60 khu 5b Cửa Ông, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	1,000
23	Nguyễn Ngọc Diện	162219202	09/12/1996	Xóm 10, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, Nam Định	40
24	Nguyễn Ngọc Hoa	010373715	02/11/2006	Số 15A Chùa Bộc, Hà Nội	2,157
25	Nguyễn Ngọc Thanh	100591759	18/12/2007	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	29,200
26	Nguyễn Thao Trường	013234371	29/09/2009	Thôn Quỳnh Chấn, xã Lam Hạ TP Phù Lý Hà Nam	5,000
27	Nguyễn Thế Bình	012248033	12/07/1999	TT Sông Đà tổ 34 cụm 4, Số 9, Nhật Tân, HN	6,200
28	Nguyễn Thế Công	130952173	18/03/2015	Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ	273
29	Nguyễn Thị Bích Ngọc	001159016042	10/09/2019	Phòng 413 D4, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội	1,600
30	Nguyễn Thị Bầy	164146221	08/08/2015	Số 34 Hoàng Diệu, P Thanh Bình, Ninh Bình	2,400
31	Nguyễn Thị Hương	025163000174	30/08/2017	Tổ 12 khu 4, P. Hà Lâm, Tp Hạ Long, Quảng Ninh	2,666
32	Nguyễn Thị Hải Yến	011670707	12/03/2003	Số 16 ngách 1 Lương Sừ C, Văn Chương, Đống Đa, HN	400
33	Nguyễn Thị Minh Tâm	001183003742	24/09/2014	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng	120
34	Nguyễn Thị Nhân	100318405	03/11/2003	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	2,000
35	Nguyễn Thị Thúy Mai	011572175	07/04/2010	28 ngõ 472 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội	643,466
36	Nguyễn Tiến Chương	042055000214	02/04/2018	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	4,000
37	Nguyễn Trọng Chúc	010067977	19/12/2006	Số 25 ngõ 205 Bạch Mai, HN	17,000
38	Nguyễn Trọng Hà	011923708	12/06/2010	Cty cổ phần Vicem- 21B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	400
39	Nguyễn Trọng Hậu	010413322	26/05/2008	21B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	74,500
40	Nguyễn Trọng Khải	001057008161	16/12/2016	Số 15A Hàng Chuối, Hà Nội	2,050
41	Nguyễn Văn Báu	161701791	09/05/2008	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng	320
42	Nguyễn Văn Hải	141943347	24/10/2009	60 Lạc Đầu Giang, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	3,800
43	NGUYỄN VĂN QUANG	035065000933	09/01/2017	SN 114 đường Ngô Gia Tự, phố Phúc Sơn, phường Thanh Bình, TP N.Bình	28,765
44	Nguyễn Xuân Chương	172646830	29/09/2005	Chi nhánh Công ty CP Vtư v tải Xi măng tại Bim Sơn, số 61, đường Nguyễn Huệ, P Ngọc Trạo, Thanh hoá	2,120
45	Nguyễn Xuân Tùng	012456053	28/03/2009	253 Trích Sài, Tây Hồ, Hà Nội	5,000
46	Nguyễn ích Quang	145536789	16/03/2009	Xã Tư Dâu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	2,000

47	Ngô Văn Cầm	100648795	18/04/1993	Khu Vĩnh Tuy 2, thị trấn Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	40
48	Nông Thị Xuân	164262657	15/09/2005	P.Thanh Bình, TX. Ninh Bình	6,645
49	Phùng Xuân Vượng	011947250	20/04/1996	Số 5 Ngách 53 Ngõ 285 Đội Cấn, HN	5,000
50	Phạm Anh Tuấn	162027547	25/12/2008	Xóm mới Hồ Thị, thị trấn Nho Quan, Ninh Bình	80
51	Phạm Ngọc Ân	171218902	28/06/2007	Quang trung, Bim Sơn, Thanh Hoá	400
52	Phạm Thị Bảy	013100105	11/10/2008	20 ngõ 127 Hào Nam, Đống Đa, HN	33
53	Phạm Thị Kim Lan	025177000022	13/08/2013	SN 22 ngõ 101 Núi Trúc, Ba Đình, HN	2,000
54	Phạm Thị Nga	030812011	09/10/1986	1/84/261 Trần Nguyễn Hân, Lê Chân, Hải Phòng	200
55	Phạm thị Nhân	001177015563	25/10/2017	Số 22 tổ 3 ngõ 57 đường Quy Lưu, phường Minh Khai, Phú Lý, Hà Nam	2,200
56	Phạm Văn Chuyên	100042290	04/07/2008	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	200
57	Phạm Văn Từ	161701796	20/08/2015	Số 308 P Nam Sơn, P Thanh Bình, TX Ninh Bình, Ninh Bình	17,000
58	Phạm Văn Vinh	145170991	28/06/2001	Thôn Chi Thiện, xã Đức Thắng, Tiên Lữ, Hưng Yên	40
59	QUÁCH THỊ HÀ LƯƠNG	011371534	11/05/2005	SỐ 50, NGÕ 135 PHỐ ĐỘI CẤN, HÀ NỘI	6,000
60	Trương Thị Kim Oanh	001166017549	03/12/2020	31 ngõ 50 đường Linh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	3,200
61	Trần Thị Vân Anh	012099575	18/03/2010	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng, 21B Cát Linh, Hà Nội	7,417
62	Trần Thanh Sơn	011430687	12/02/2011	Số 1 ngách 1 Lương Sừ C, Văn Chương Đống Đa, HN	1,733
63	Trần Thị Hương	012641991	20/01/2011	P502 B5 TT Đồng xa, Mai Dịch, Cầu Giấy, HN	5,632
64	Trần Văn Ngân	172048170	09/11/2009	Tổ 7, khu 5, Bùi Thị Xuân, P Ba Đình, Bim Sơn, Thanh Hóa	552
65	Trần ich Uyên	131364862	22/03/2014	CN cty cp vật tư, vận tải xi măng Hoàng Mai	29
66	Trần Đình Đa	168385024	09/08/2008	Số 38 ngõ 10 Trường Chinh, Phú Lý, Hà Nam	2,000
67	Trịnh Công Giang	013078563	09/05/2008	Phòng 506. Nhà C Đền Lữ, Phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	2,000
68	Trịnh Thị Hồng	012808263	22/06/2005	P401 Nhà B1, Công vụ Chính Phủ Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	1,000
69	Trịnh Thị Sen	168340768	11/12/2007	Số nhà 7 tổ 7, P lương Khánh Thiện, TX Phú Lý, Hà Nam	3,000
70	Trịnh Văn Chương	011676931	12/09/2006	98 tổ 11 Yên Hòa, Cầu Giấy, HN	200
71	Trịnh Xuân Chát	170468456	25/12/2008	Số 61, Nguyễn Huệ, Bim Sơn, Thanh Hóa	400
72	Tào Thị Nghĩa	011089923	08/03/2011	số 15 a hàng chuối hà nội	456
73	Tô Minh Khương	130910173	15/07/2008	33 Khu 4 P. Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ	2,400
74	Tạ Quang Thủy	011839688	16/12/2009	đội 2 thôn địa xã lam hồng huyện đông anh hn	2,000
75	Vũ Hữu Chung	130872693	16/10/2007	Tổ 27B phố Thành Công, phường Thọ Sơn, Việt Trì	600

75	Vũ Hữu Chung	130872693	16/10/2007	Tổ 27B phố Thành Công, phường Thọ Sơn, Việt Trì	600
76	Vũ Quang Lạng	173661106	18/05/2007	Khu phố 1, P. Bắc Sơn, Bim Sơn, Thanh Hoá	4,800
77	Vũ Thị Liên	100046939	20/08/2013	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	6,000
78	Vũ Thị Lệ Thanh	030785528	30/05/2007	Số 219 A Lạch Tray Hải Phòng	2,000
79	Vũ Thị Minh	011733583	08/10/1996	Số 38 ngõ 117 Thái Hà, Đống Đa, HN	80
80	Vũ Tuấn Tài	101076414	30/05/2007	Tổ 93 K10, Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	3,520
81	Vũ Văn Phương	100805570	15/06/2011	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	51,333
82	Vũ Đình Luyện	141401314	06/04/2009	Khu C TT nhà máy điện Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	1,400
83	Vũ Đình Thanh	171615574	24/04/2006	Quang Thạch, Quảng Xương, Thanh Hoá	4,680
84	Đình Công Bình	130880623	25/08/2009	Chi nhánh cty cp vật tư xi măng tại Quảng Ninh	4,360
85	Đình Công Định	164503922	26/09/2008	Số 17 tổ 5, P ngọc Xuân, Thanh Bình, TX Ninh Bình	80
86	Đặng Ngọc Đám	011983984	23/11/2011	Số 1 ngõ 43 phố Chùa bộc, quận Đống Đa, HN	5,000
87	Đặng Thu Lan	011669062	05/05/2008	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng, 21B Cát linh, HN	15,000
88	Đặng Thị Tâm	168385285	23/09/2008	Tổ 20 P.Lê Hồng Phong, Phú Lý, Hà Nam	800
89	Đặng Văn Quảng	164176309	23/08/2001	56 Hoàng Diệu, P.Thanh Bình, Ninh Bình	5,000
90	Đông Minh Trâm	145014677	14/12/2006	Đội II thôn Phi Xá, xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	40
91	Đỗ Thanh Ngọc	022058001289	22/02/2017	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	20,000
92	Đỗ Thị Minh Thoa	012118494	30/03/2013	Số 2 A3, TT xi nghiệp vận tải, Vĩnh Tuy, HN	3,333
93	Đỗ Văn Quang	161701797	20/07/2007	Số nhà 59 phố Vạn Phúc, Thanh Bình, Ninh Bình	12,040
94	Đỗ Xuân Vinh	171615377	14/10/2002	Thôn 5, Quang Trung, Bim Sơn, Thanh Hóa	800
95	Công ty TNHH Long Sơn	2700271520	12/12/2016	Số 6, đường Voi Phục, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	643,197
96	Công ty TNHH Tiến Hưng	2700260021	10/01/2013	Phố 4, phường Đông Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	104,000
97	Nguyễn Thế Anh	168381054	24/10/2011	Tiên Hiệp, Duy Tiên, Hà Nam	2,000
98	Nguyễn Thị Minh Hiền	001162009030	16/09/2016	P512 nhà A1 ngõ 1 Khâm Thiên, Đống Đa, HN	300
99	Nguyễn Thị Thục Nguyễn	141829465	07/04/2003	Tổ 1, khu Vĩnh Tuy II, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	133
100	Nguyễn Văn Sơn	141857850	11/01/1996	Công ty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	40

101	Phạm Duy Hưng	140235191	19/09/2008	Thị trấn Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương	105
102	Trần Ngọc Tuấn	112053657	21/06/2004	Xã Minh Quang, Ba Vì, Hà Tây	880
103	Trần Văn Long	011259272	19/12/2009	Nhà số 4 ngách 43/12 ngõ 43 Tô Vĩnh Điện, Thanh Xuân, HN	80
104	Đỗ Thị Hiền	012636726	12/04/2010	54 Lê Thanh Nghị, P Bách Khoa, HBT, HN	3,000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>21,520,423</b>

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021*  
**PHÒNG PHÁP CHẾ VÀ QHCD**

**Trần Khắc Mạnh**

**Trần Quang Ninh**

Số 552/TT-HDQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

### TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường  
VICEM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hướng dẫn về quản trị Công ty

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Trong thời gian qua, cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (kèm theo).

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HDQT, PC&QHCD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Khắc Mạnh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

**DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Hà Nội, tháng      năm 2021

## Mục lục

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: .....

2. Đối tượng áp dụng: .....

**Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**.....

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:.....

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;.....

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;.....

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;.....

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông .....

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;.....

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;.....

h) Điều kiện tiến hành;.....

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;.....

k) Cách thức bỏ phiếu;.....

l) Cách thức kiểm phiếu;.....

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;.....

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;.....

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....

3. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua NQ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;.....

b) Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua NQ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

**Điều 3. Hội đồng quản trị**.....

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của TV.HĐQT (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).....

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;.....

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;.....

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;.....

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;.....

- d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;.....
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;.....
- g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;.....
- h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....
- 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....
- 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị .....
- a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;.....
- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;.....
- c) Thông báo họp Hội đồng quản trị .....
- d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;.....
- đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;.....
- e) Cách thức biểu quyết;.....
- g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;.....
- h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;
- i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;.....
- k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;.....
- l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....
- 5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị:.....
- a) Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán;.....
- b) Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán;.....
- 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....
- a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;.....
- b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;.....
- c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;.....
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;.....
- đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.....

#### **Điều 4. Ban Kiểm soát**

- 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát
- 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát .....
- a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;.....
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;.....
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;.....
- d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;.....
- đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;.....

- c) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;.....
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....

#### **Điều 5. Tổng Giám đốc**.....

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
  - a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;
  - b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc;
  - c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
  - d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
  - đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc;
  - e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

#### **Điều 6. Các hoạt động khác**

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
  - a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
  - b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;
  - c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;
  - d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
  - đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
  - e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;
  - g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
3. Các vấn đề khác (nếu có).

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2021/QĐ-HĐQT/..... ngày ..... của HĐQT)*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật;

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

### **Điều 2. Đại hội đồng cổ đông:**

#### **1. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

##### **1.1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

##### **1.2 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:**

###### **1.2.1). Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:**

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

#### Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

1.2.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.2.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

### **2.1. Tham quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 và điểm a Khoản 4 Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

### **2.2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp**

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

### **2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên Website Công ty và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:**

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết.

d) Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

### **2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:** Thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp

**2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:** Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty;

**2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:** Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a) Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác



## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.

b) Trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

**2.8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:** Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty;

**2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết. Trên thẻ, trên phiếu biểu quyết ghi Tên Công ty, ngày tháng năm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, các vấn đề cần biểu quyết và phương án biểu quyết, phần dành cho cổ đông ký tên và dấu treo của Công ty, tất cả các nội dung trong chương trình của phiên họp đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết.

### **2.10. Cách thức bỏ phiếu:**

a) Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết: Cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo điều hành của Đoàn chủ tịch theo nội dung: Tán thành, không tán thành; hoặc không có ý kiến để biểu quyết các vấn đề sau:

a1) Thông qua Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

a2) Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội.

a3) Thông qua Biên bản Đại hội;

a4) Và các nội dung khác theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch.

b) Biểu quyết bằng cách ghi trên Phiếu biểu quyết: Các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Phiếu biểu quyết phải có chữ ký của người biểu quyết và được bỏ vào hòm phiếu theo hướng dẫn của Ban bầu cử/Ban kiểm phiếu.

**2.11. Cách thức kiểm phiếu:** Đại hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

a) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu biểu quyết. Tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu đều phải ký tên trong Biên bản kiểm phiếu.

b) Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS thì thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

c) Cách thức kiểm phiếu:

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

c1) Tổng số phiếu biểu quyết (đối với từng vấn đề biểu quyết) phát ra, tổng số phiếu thu về; tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ;

c2) Kết quả biểu quyết: Ghi rõ tổng số phiếu tán thành, tổng số phiếu không tán thành, tổng số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

**2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:** Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty.

**2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:** Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

**2.14. Cách thức phân phối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:** Thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật DN

**2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:** Thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật DN, Điều 23 Điều lệ)

**2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:** Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty, pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

**3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

**3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:** Thực hiện tại Quy định tại Điều lệ Công ty

**3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:** Được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty

### **Điều 3. Hội đồng quản trị**

**1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

1.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

1.3 Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.4 Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

1.5. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

1.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

1.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

1.8. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

1.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

1.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

1.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

1.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

1.13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

1.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

1.15 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

1.16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

### **2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao:**

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty

#### 2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a1) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

a2) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

a3) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b1) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b2) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định Điểm d2 Điều này.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

d1) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

d2) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

d3)- Trừ trường hợp quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

g1) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

g2) Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

**3. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:** Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty

**4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:** Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

**4.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm:** Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

**4.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:**

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 02 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Các đề nghị trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

**4.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

c) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

**4.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:** Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**4.6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

### **4.7. Cách thức biểu quyết:**

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết ;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

### **4.8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**4.9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:** Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **4.10. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:**

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a1) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- a2) Thời gian, địa điểm họp;
- a3) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- a4) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- a5) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

a6) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

a7) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

a8) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

a9) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm k Khoản này.

### **4.11. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

**4.12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:** phải được công bố theo quy định về công bố thông tin của các cơ quan quản lý chứng khoán và Điều lệ Công ty.

## **5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

### **6.1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:**

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.;

**6.2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:** Do Hội đồng quản trị quyết định;

### **6.3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:**

a) Có đơn từ chức và được chấp thuận;



Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- b) Không đủ sức khỏe, năng lực, uy tín để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- c) Theo yêu cầu nhiệm vụ;
- d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết

**6.4 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:** Việc thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định pháp luật.

**6.5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty**

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 4. Ban Kiểm soát**

**1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp

**2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:**

a) Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 37 Điều lệ Công ty

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty

## **Điều 5. Tổng Giám đốc.**

### **1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:**

a) Vai trò, trách nhiệm: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;

b) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty

### **2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế;

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp sau:

d1) Không đủ sức khỏe, năng lực, uy tín để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d2) Theo yêu cầu nhiệm vụ;

d3) Có đơn từ nhiệm;

d4) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết

d5) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

d6) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..

### **Điều 6. Các hoạt động khác**

#### **1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Giám đốc**

1.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các cuộc họp có sự tham gia của HĐQT, BKS và Tổng giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một lần.

a) Chủ tịch HĐQT tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời cho BKS và Ban Tổng giám đốc.

b) Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi trước cho các thành viên ít nhất trước 03 ngày làm việc trước ngày diễn ra cuộc họp.

c) Về các quyết định được thông qua: BKS và Ban Tổng giám đốc được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

1.3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp thì BKS phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b) Giám đốc yêu cầu tổ chức họp HĐQT khi cần xin ý kiến HĐQT thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.

1.4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Định kỳ hàng Quý, Tổng Giám đốc phải có báo cáo gửi HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHCĐ cũng như HĐQT giao phó.

1.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

a) HĐQT áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Công ty, qua đó Tổng Giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý.

b) Kiểm điểm theo nội dung: Quá trình thực hiện nhiệm vụ được HĐQT phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý, người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT.

b) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

c) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

d) Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

đ) Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

e) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua.

f) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

a) HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. BKS được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT và Tổng Giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của công ty.

b) Hàng năm BKS tổ chức ít nhất 2 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan và hỗ trợ kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

**2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:**

### 2.1. Khen thưởng

a) Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm HĐQT sẽ trình đại hội quyết định tỷ lệ % trích từ lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch để thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS.

b) Trong trường hợp Công ty đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, HĐQT lập tờ trình xin ĐHĐCĐ thông qua số tiền thưởng tương ứng để thưởng Người điều hành doanh nghiệp.

### 2.2 Kỷ luật

a) Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành viên của HĐQT, Ban điều hành và người quản lý để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

b) Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS xem xét tư cách thành viên của BKS, để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần ... Năng lượng và Môi trường VCEM bao gồm ..... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Số 553/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2021

### TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường  
VICEM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hướng dẫn về quản trị Công ty

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Trong thời gian qua, cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (kèm theo).

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày..... tháng 4 năm 2021*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.*

*Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm các nội dung sau:*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.



## **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

## **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh

nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên có quyền đề cử tám (08) ứng viên. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử

theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

Đối với hợp đồng mua, bán than phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 42 Điều lệ công ty), Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty quyết định trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại

Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **Chương IV** **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07



ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V** **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại

hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

### **Chương VI**

#### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong

quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm [.. .chương], [... điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng ...năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*



Số: /NL&MT-BKS

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**  
(Ban hành theo Nghị quyết .....số .... ngày.. tháng... năm...)

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số..... ngày ... tháng ... năm ....*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem;*

*Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm các nội dung sau:*

## **CHƯƠNG I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty.

#### **Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát**

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát cần tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

#### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

#### **Điều 4. Viết tắt và giải thích từ ngữ**

1. Các từ viết tắt:

Ban Kiểm soát (BKS): Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Công ty: Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Điều lệ công ty: Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Hội đồng quản trị (HDQT): Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Tổng Giám đốc (TGD): Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Đơn vị: Là các ban, phòng, chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020

2. Giải thích từ ngữ:

Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG II

### THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

#### **Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà

thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
  - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);
  - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
  - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

#### **Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên có quyền đề cử tám (08) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;



b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

### **Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115

Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông

thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản

1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

- Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
  3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
  4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
  5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.
  6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.
  7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
  8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

#### **Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các

giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

#### **Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 24. Sửa đổi, bổ sung và áp dụng Quy chế.**

Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban Kiểm soát đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trường hợp có những quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc khi có sự thay đổi của Pháp luật, Điều lệ Công ty thì áp dụng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 25. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, các đơn vị trực thuộc trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty có phần Năng Lực và Môi trường Vicem bao gồm 07 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng. ..năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

Nhiệm kỳ 2016 -2021 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã kết thúc. Để đảm bảo số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

1. Thông qua việc miễn nhiệm toàn bộ chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021;

2. Thông qua số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 được bầu lại tại Đại hội như sau:

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên HDQT độc lập;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./

**Nơi gửi:**

- Như trên
- Lưu VP, HDQT, PC&QHCD

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HDQT- TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Khắc Mạnh**